

TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM KHOA KINH TẾ BỘ MÔN KẾ TOÁN		<b>ĐỀ THI CUỐI KỶ HỌC KỶ 1 NĂM HỌC 2018-2019</b> <b>Môn: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>
Chữ ký giám thị 1	Chữ ký giám thị 2	Mã môn học: BUAN331107 Đề số/Mã đề: 01 Đề thi có <b>08</b> trang. Thời gian: 60 phút.
CB chấm thi thứ nhất	CB chấm thi thứ hai	<b>Được phép</b> sử dụng tài liệu <i>viết tay</i> (1 tờ A4).
Số câu đúng:	Số câu đúng:	
Điểm và chữ ký	Điểm và chữ ký	Họ và tên:..... Mã số SV:..... Số TT:..... Phòng thi:.....

**PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**

- |                 |   |
|-----------------|---|
| Câu 1. A B C D  | Câu 18. A B C D   |
| Câu 2. A B C D  | Câu 19. A B C D   |
| Câu 3. A B C D  | Câu 20. A B C D   |
| Câu 4. A B C D  | Câu 21. A B C D   |
| Câu 5. A B C D  | Câu 22. A B C D   |
| Câu 6. A B C D  | Câu 23. A B C D   |
| Câu 7. A B C D  | Câu 24. A B C D   |
| Câu 8. A B C D  | Câu 25. A B C D   |
| Câu 9. A B C D  | Câu 26. a. ....<br>b. ....<br>c. ....<br>d. ....<br>e. ....<br>f. ....<br>g. ....<br>h. ....<br>i. ....<br>j. ....<br>k. .... |
| Câu 10. A B C D |   |
| Câu 11. A B C D |   |
| Câu 12. A B C D |   |
| Câu 13. A B C D |   |
| Câu 14. A B C D |   |
| Câu 15. A B C D | Câu 27. a. ....<br>b. ....<br>c. ....<br>d. ....  |
| Câu 16. A B C D |   |
| Câu 17. A B C D |   |

## HƯỚNG DẪN CÁCH CHỌN ĐÁP ÁN CHO PHẦN CÂU HỎI MỘT LỰA CHỌN

Nếu chọn câu nào thì tô đen ô đó.



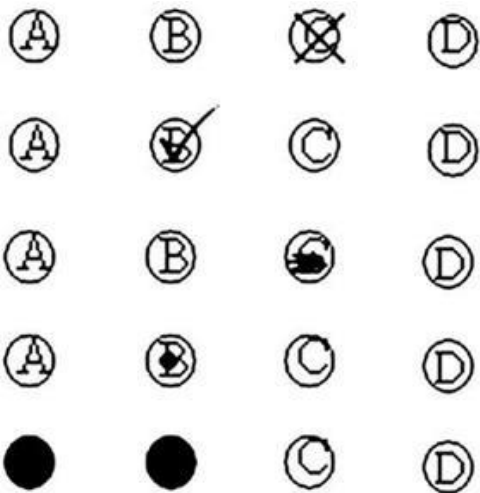
Nếu bỏ chọn câu vừa mới chọn và chọn câu khác thì đánh chéo câu vừa chọn và tô đen ô khác.



Nếu muốn chọn lại câu vừa bỏ thì đánh chéo câu vừa chọn và tô đen ô cũ rộng hơn.



Lưu ý các trường hợp sau đây, câu trả lời sẽ không được chấm:



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM <b>KHOA KINH TẾ</b> <b>BỘ MÔN KẾ TOÁN</b>		<b>ĐỀ THI CUỐI KỲ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018-2019</b> <b>Môn: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> Mã môn học: BUAN331107 Đề số/Mã đề: 01 Đề thi có <b>08</b> trang. Thời gian: 60 phút. <b>Được phép</b> sử dụng tài liệu <i>viết tay</i> (1 tờ A4).
<b>Điểm và chữ ký</b>	<b>Điểm và chữ ký</b>	<b>Họ và tên:</b> ..... <b>Mã số SV:</b> ..... <b>Số TT:</b> ..... <b>Phòng thi:</b> .....

### A. CÂU HỎI MỘT LỰA CHỌN

**Câu 1.** Mức hạ giá thành thực tế là:

- Khoản chênh lệch giữa giá thành thực tế và kế hoạch năm nay của tổng sản phẩm sản xuất thực tế.
- Khoản chênh lệch giữa giá thành thực tế năm nay và thực tế năm trước của tổng sản phẩm sản xuất kế hoạch.
- Khoản chênh lệch giữa giá thành thực tế năm nay và thực tế năm trước của tổng sản phẩm sản xuất thực tế.
- Khoản chênh lệch giữa giá thành kế hoạch năm nay và thực tế năm trước của tổng sản phẩm sản xuất thực tế.

**Câu 2.** Phân tích kết quả sản xuất theo mặt hàng chủ yếu, khi tính chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất theo mặt hàng, chỉ tính bằng sản lượng thực tế:

- Đối với mặt hàng chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất
- Đối với mặt hàng hoàn thành và chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất
- Đối với mặt hàng hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất
- Cả ba đều đúng

**Câu 3.** Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn trong phân tích hoạt động kinh doanh, khi xác định ảnh hưởng của một nhân tố đến sự biến động của chỉ tiêu phân tích:

- Các nhân tố còn lại phải cố định theo trị số thực tế, nếu nhân tố đó đã được xác định ảnh hưởng của nó đến chỉ tiêu phân tích
- Các nhân tố còn lại phải cố định theo trị số gốc, nếu nhân tố đó đã được xác định ảnh hưởng của nó đến chỉ tiêu phân tích
- Các nhân tố còn lại phải được xác định theo trị số thực tế
- Các nhân tố còn lại phải cố định theo trị số thực tế, nếu nhân tố đó chưa được xác định ảnh hưởng của nó đến chỉ tiêu phân tích

**Câu 4.** Phương pháp phân tích giá thành đơn vị là:

- Tính ra mức chênh lệch
- Tính tỷ lệ chênh lệch
- Cả a và b đều đúng
- Cả a và b đều sai

**Câu 5.** Tỷ lệ hạ giá thành phản ánh

- a. Khả năng tăng lợi nhuận
- b. Tăng tích lũy nhiều hay ít
- c. Tốc độ hạ nhanh hay chậm
- d. Đánh giá trình độ quản lý

**Câu 6.** Đây là công thức xác định tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ?

a. 
$$\frac{\sum_{i=1}^n Q_{TTi} G_{TTi}}{\sum_{i=1}^n Q_{KHi} G_{KHi}} \times 100$$

c. 
$$\frac{\sum_{i=1}^n Q_{TTi} Z_{TTi}}{\sum_{i=1}^n Q_{TTi} Z_{KHi}} \times 100$$

b. 
$$\frac{\sum_{i=1}^n Q_{TTi} Z_{NTi}}{\sum_{i=1}^n Q_{KHi} Z_{NTi}} \times 100$$

d. Tất cả đều sai

**Câu 7.** Nhân tố kết cấu hàng bán đồng biến với lợi nhuận khi:

- a. Tăng tỷ trọng sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao
- b. Giảm tỷ trọng sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao
- c. Tỷ trọng sản phẩm và tỷ suất lợi nhuận không đổi
- d. Cả a và b đều đúng

**Câu 8.** Các hình thức của kỹ thuật so sánh là:

- a. So sánh theo chiều dọc
- b. So sánh theo chiều ngang
- c. So sánh xác định xu hướng và tìm mối liên hệ
- d. Cả 3 đều đúng

**Câu 9.** Phương pháp nào dưới đây không dùng để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chỉ tiêu phân tích?

- a. Phương pháp so sánh
- b. Phương pháp số chênh lệch
- c. Phương pháp thay thế liên hoàn
- d. Phương pháp liên hệ cân đối

**Câu 10.** Trong phân tích tính đồng bộ trong sản xuất, số lượng chi tiết có thể sử dụng trong kỳ được tính như sau:

- a. Số lượng chi tiết tồn cuối kỳ cộng số lượng chi tiết sản xuất trong kỳ
- b. Số lượng chi tiết tồn đầu kỳ cộng số lượng chi tiết sản xuất trong kỳ
- c. Số lượng chi tiết tồn cuối kỳ cộng số lượng chi tiết cần dùng trong kỳ
- d. Cả ba đều sai

**Câu 11.** Phân tích báo cáo tài chính là:

- a. Tính toán các số liệu và so sánh đánh giá.
- b. Tính toán các thông tin nêu bật được các quan hệ cốt yếu, tiền hành luận giải và rút ra những suy đoán, kết luận cần thiết cho việc ra quyết định.
- c. Tính toán các số liệu và so sánh.
- d. Tất cả đều đúng

**Câu 12.** Phân tích theo chiều ngang là so sánh:

- Tài sản và nguồn vốn của các báo cáo tài chính.
- Giá trị và tỷ lệ từng khoản mục của các báo cáo tài chính.
- Số liệu từng khoản mục trong báo cáo tài chính giữa hai năm hay nhiều năm.
- Tỷ lệ của từng khoản mục trong tổng số của báo cáo tài chính mà khoản mục đó là một bộ phận cấu thành.

**Câu 13.** Năng suất lao động tính bằng hiện vật là:

- Số lượng sản phẩm sản xuất trong 1 đơn vị thời gian
- Thời gian lao động của 1 lao động trong công việc
- Giá trị sản xuất tạo ra trong một đơn vị thời gian
- Số lượng sản phẩm tiêu thụ được trong 1 kỳ kinh doanh

**Câu 14.** Công ty DHG có tài liệu sau:

	Thực tế	Kế hoạch
Giá trị sản xuất toàn công ty	3.240.000.000.000	3.584.000.000.000
Số lao động	3.000	2.800
Số ngày làm việc của 1 lao động	300	320
Tổng số giờ lao động toàn công ty	8.100.000	7.168.000

Giá trị sản xuất toàn công ty .....

- Tăng 10,6173%
- Tăng 110,6173%
- Giảm 9,6%
- Giảm 34%

**Câu 15.** Có tài liệu sau:

Sản phẩm A	Khối lượng		Đơn giá
	Kế hoạch	Thực tế	
Loại 1	18.000	19.440	42.000
Loại 2	25.000	23.000	14.000
Loại 3	30.000	28.500	7.000

Hệ số phẩm cấp bình quân của sản phẩm A ở kỳ kế hoạch là:

- 0,4292
- 0,4491
- 0,4494
- 0,4422

**Câu 16.** Dựa vào thông tin ở câu 15, hệ số phẩm cấp bình quân của sản phẩm A ở kỳ thực tế là:

- 0,4292
- 0,4491
- 0,4494
- 0,4422

**Câu 17.** Có tài liệu sau

Sản phẩm	Sản lượng tiêu thụ		Giá bán		Giá vốn		Chi phí bán hàng		Chi phí quản lý		Lợi nhuận đơn vị	
	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế
A	10.000	12.000	280	290	140	138	28	29	62	67,5	50	55,5
B	18.000	16.000	400	420	200	198	40	42	80	95	80	85

Tổng lợi nhuận kỳ thực tế là:

- 2.026.000
- 2.022.600
- 2.300.000
- 1.940.000

**Câu 18.** Dựa vào thông tin ở câu 17, tổng lợi nhuận kỳ kế hoạch là:

- 2.026.000
- 2.022.600
- 2.300.000
- 1.940.000

**Câu 19.** Dựa vào thông tin ở câu 17, tổng lợi nhuận ở kỳ thực tế tăng so với kế hoạch là:

- 3,44%
- 4,43%
- 103,44%
- 104,43%

**Câu 20.** Dựa vào thông tin ở câu 17, tổng lợi nhuận ở kỳ thực tế cao hơn so với kế hoạch là:

- 76.000
- 2.023.300
- 86.000
- 66.600

**Câu 21.** Dựa vào thông tin ở câu 17, nhận định nào sau đây là đúng:

- Chi phí bán hàng đơn vị sản phẩm tăng ở kỳ thực tế so với kỳ kế hoạch làm cho tổng lợi nhuận giảm 44.000 ngàn đồng
- Tổng chi phí bán hàng tăng ở kỳ thực tế so với kế hoạch làm cho tổng lợi nhuận giảm 44.400 ngàn đồng.
- Chi phí bán hàng đơn vị sản phẩm giảm ở kỳ thực tế so với kỳ kế hoạch làm cho tổng lợi nhuận giảm 44.000 ngàn đồng
- Chi phí bán hàng đơn vị sản phẩm tăng ở kỳ thực tế so với kỳ kế hoạch làm cho tổng lợi nhuận giảm 44.400 ngàn đồng

**Câu 22.** Dựa vào thông tin ở câu 17, nhận định nào sau đây là đúng:

- Kết cấu hàng bán thay đổi làm cho tổng lợi nhuận tăng 13.440 ngàn đồng
- Kết cấu hàng bán thay đổi làm cho tổng lợi nhuận giảm 13.440 ngàn đồng
- Kết cấu hàng bán thay đổi làm cho tổng lợi nhuận giảm 14.430 ngàn đồng
- Kết cấu hàng bán thay đổi làm cho tổng lợi nhuận tăng 13.430 ngàn đồng

- Câu 23.** Southeast Lewis có doanh thu thuần là 2 triệu USD. Kỳ thu tiền bình quân là 42 ngày. Hỏi khoản phải thu bình quân là bao nhiêu?
- 223.333 USD
  - 350.000 USD
  - 266.667 USD
  - Tất cả đều sai

- Câu 24.** Số ngày một vòng quay hàng tồn kho là 45,625 ngày và số dư hàng tồn kho bình quân là 500.000 USD. Doanh thu trong năm của công ty là:
- 1.500.000 USD
  - 2.000.000 USD
  - 4.000.000 USD
  - Tất cả đều sai

- Câu 25.** Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí trên 1.000 đồng sản phẩm được sắp xếp theo trình tự là:
- Sản lượng sản xuất, kết cấu mặt hàng, giá bán, giá thành đơn vị.
  - Kết cấu mặt hàng, giá thành đơn vị, giá bán.
  - Kết cấu mặt hàng, giá bán, giá thành đơn vị.
  - Sản lượng sản xuất, kết cấu mặt hàng, giá thành đơn vị.

**B. CÂU HỎI ĐIỀN KHUYẾT:**

**Câu 26.** Một công ty có các số liệu sau:

Đvt: triệu \$

Chỉ tiêu	Số liệu
Tiền	100
Tài sản dài hạn	400
Doanh thu thuần	1.000
Lợi nhuận sau thuế	50
Tỷ số thanh toán hiện hành	2
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	36,5
ROE	10%
Giá vốn hàng bán	803
Vòng quay hàng tồn kho	7,3

Yêu cầu: Hãy điền đầy đủ số liệu cho bảng cân đối kế toán sau:

Tài sản		Nguồn vốn	
Tài sản ngắn hạn	(a) .....	Tổng nợ	(b) .....
Tiền mặt	(c) .....	Nợ ngắn hạn	(d) .....
Các khoản phải thu	(e) .....	Nợ dài hạn	(f) .....
Hàng tồn kho	(g) .....	Vốn chủ sở hữu	(h) .....
Tài sản dài hạn	(i) .....		
<b>Tổng tài sản</b>	(j) .....	Tổng nguồn vốn	(k) .....

**Câu 27.** Một công ty có tài liệu sau, hãy điền đầy đủ số liệu cho bảng bên dưới

SP	Sản lượng SX		Giá thành đơn vị (1.000đ)		Tỷ lệ lợi nhuận gộp		Đơn giá (1.000đ)	
	KH	TT	KH	TT	KH	TT	KH	TT
X	12.000	14.000	75	69	60%	50%	(a) .....	(b) .....
Y	16.000	17.000	90	95	60%	65%	(c) .....	(d) .....

-- HẾT --

Ngày ... tháng ... năm 20.....  
**Bộ môn Kế toán Tài chính**  
**Duyệt đề**

*Ghi chú: Cán bộ coi thi không được giải thích đề thi.*

<b>Chuẩn đầu ra của học phần (về kiến thức)</b>	<b>Nội dung kiểm tra</b>
[G 1.1]: Trình bày được tổng quan về PTHĐKD, các phương pháp phân tích khác nhau về PTHĐ	Câu 3, 8, 9
[G 2.1]: Hiểu rõ ý nghĩa của phân tích HĐ sản xuất, giá thành sản xuất, doanh thu và lợi nhuận	Câu 1, 2, 4-7, 13-22, 25, 27
[G 4.1]: Phân tích được báo cáo tài chính	Câu 11, 12, 23, 24, 26



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM  
**KHOA KINH TẾ**  
**BỘ MÔN KẾ TOÁN**

**ĐỀ THI CUỐI KỶ HỌC KỶ 1 NĂM HỌC 2018-2019**

**Môn: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã môn học: BUAN331107

Đề số/Mã đề: 01 Đề thi có **08** trang.

Thời gian: 60 phút.

**Được phép** sử dụng tài liệu *viết tay* (1 tờ A4).

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI KỶ HK1 NĂM HỌC 2018-2019**

Câu 1. B  
Câu 2. A  
Câu 3. A  
Câu 4. C  
Câu 5. C  
Câu 6. D  
Câu 7. A  
Câu 8. D  
Câu 9. A  
Câu 10. B  
Câu 11. D  
Câu 12. C  
Câu 13. A  
Câu 14. C  
Câu 15. A  
Câu 16. B  
Câu 17. A  
Câu 18. D  
Câu 19. B  
Câu 20. C  
Câu 21. A  
Câu 22. B  
Câu 23. D  
Câu 24. C  
Câu 25. B

Câu 26. a. 310  
b. 210  
c. 100  
d. 155  
e. 100  
f. 55  
g. 110  
h. 500  
i. 400  
j. 710  
k. 710

Câu 27. a. 187,5  
b. 138  
c. 225  
d. 271,429